

BẢNG CHIA 5

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thành lập bảng chia 5.
- Khuyến khích thuộc bảng chia 5.
- Vận dụng bảng chia 5, tính nhẩm.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

B. Thiết bị dạy học

GV: 50 khối lập phương.

HS: 10 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi TRUYỀN ĐIỆN

HS thay nhau đọc các phép nhân trong bảng nhân 5.

GV treo bảng nhân 5 lên một góc bảng lớp.

HS đọc lại toàn bộ bảng nhân 5.

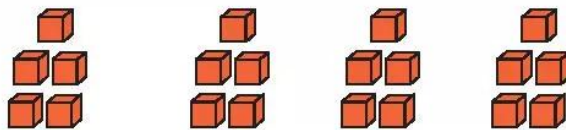
BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Thành lập bảng chia 5

a) Nhu cầu thành lập bảng chia 5

– HS tìm hiểu bài toán dẫn nhập, thảo luận nhóm bốn rồi thực hiện. Có thể tiến hành theo các cách khác nhau: Có 20 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 5 cái. Có mấy bạn được chia?

• Thao tác chia trên các khối lập phương:



Có 4 bạn được chia.

• Kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng:


$$20 : 5 = ?$$

$$5 \times 4 = 20$$

$$20 : 5 = 4 \quad \text{Có 4 bạn được chia.}$$

– GV đặt vấn đề: Nếu ta lập một bảng chia 5 và học thuộc thì sẽ biết ngay kết quả.

b) Thành lập bảng chia 5 (HS không sử dụng SGK)

- GV gắn lên bảng lớp bảng chia 5 chưa hoàn chỉnh
- Nhóm bốn HS, mỗi nhóm **tìm** kết quả một phép chia trong bảng. HS có thể tìm bằng các cách khác nhau (dùng  hoặc dựa vào bảng nhân 5).
- Các nhóm HS **thông báo** kết quả, một vài nhóm trình bày cách làm, GV hoàn thiện bảng chia.

2. Học thuộc bảng chia 5 (HS không sử dụng SGK)

Lưu ý: Ở bài này chỉ khuyến khích thuộc bảng, **không nên ép buộc** . HS dễ dàng tìm kết quả phép chia 5 dựa vào bảng nhân 5. Dẫn dắt HS sẽ tự thuộc bảng chia 5.

- HS **nhận xét** bảng chia 5.
 - Số bị chia: các tích trong bảng nhân 5 (5, 10, ..., 50).
 - Số chia: đều là 5.
 - Thương: các thừa số thứ hai trong bảng nhân 5 (1, 2, 3, ..., 10).
- HS **học thuộc** các số bị chia trong bảng chia 5.
- HS **học thuộc** bảng chia 5.

Lưu ý HS, nếu quên thì dựa vào phép nhân tương ứng.

Bài 1: Nhóm hai HS **thực hiện** : một bạn **đọc** một vài phép nhân trong bảng nhân 5, bạn còn lại đọc phép chia 5 tương ứng rồi đổi vai trò.

Bài 2: Nhóm hai HS **đổ** nhau các phép chia trong bảng chia 5. Nếu thuộc bảng, **nói** ngay kết quả. Nếu quên, dựa vào phép nhân tương ứng.

Bài 1 và bài 2:

- HS tự **tìm hiểu** bài, **nhận biết** cách làm: dựa vào bảng hoặc dựa vào phép nhân tương ứng.
- HS **thực hiện** (làm ra bảng con).
- Sửa bài.
 - HS **thông báo** kết quả.
 - GV khuyến khích HS trình bày cách làm (thuộc bảng chia hoặc dựa vào phép nhân tương ứng, ví dụ: $20 : 5 = 4$ vì $5 \times 4 = 20$).

Bài 3:

- Tìm hiểu bài.

Nhóm hai HS **đọc yêu cầu** , nhận biết:

 - Các câu có các phép tính khác nhau.
 - Ở mỗi câu a, b, các con vật giống nhau thể hiện cùng một số.
 - Dựa vào các bảng nhân và bảng chia đã học để làm bài.

5 : 5 =

10 : 5 =

15 : 5 =

20 : 5 =

25 : 5 =

30 : 5 =

35 : 5 =

40 : 5 =

45 : 5 =

50 : 5 =

5 : 5 = 1

10 : 5 = 2

15 : 5 = 3

20 : 5 = 4

25 : 5 = 5

30 : 5 = 6

35 : 5 = 7

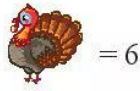
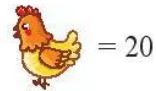
40 : 5 = 8

45 : 5 = 9

50 : 5 = 10

Chân trời sáng tạo
LUYỆN TẬP

- HS thực hiện từng câu a, b ra bảng con.
- Sửa bài, khuyến khích HS trình bày cách làm.



CỦNG CỐ

Có thể dùng trò chơi “truyền điện” về các phép chia trong bảng chia 5 (hỏi xuôi: $15 : 5 = ?$, hỏi ngược: $3 = ? : 5$).

Hoạt động thực tế

HS học thuộc bảng chia 5 ở nhà:

- Đọc từ trên xuống.
- Đọc từ dưới lên.
- Đọc không theo thứ tự.
- Nếu quên, dựa vào bảng nhân 5.